

Số: 05/2025/QĐST - DS

Phú Thọ, ngày 17 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2025/ TLST - DS ngày 10 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Trung Bảo, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Khu 3, xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.(Nay là Khu 3, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Chu Văn Quyền, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội (Nay là Thôn 2, xã Tây Phương , thành phố Hà Nội); Nơi làm việc: Công ty Luật Hợp danh Hùng Vương Phú Thọ - Đoàn Luật sư tỉnh Phú Thọ, địa chỉ: Số nhà 164, đường Minh Lang, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (Nay là Số nhà 164, đường Minh Lang, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ).

- Bị đơn: Ông Vũ Văn Quang, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: Khu 3, xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.(Nay là Khu 3, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ).

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Vũ Thị Hương Ly, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Khu 2, xã Sóc Đăng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ (Nay là Thôn 2, xã Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Cháu Vũ Tùng Minh, sinh năm 2007;

2. Cháu Vũ Bích Ngọc, sinh năm 2009;

Đại diện theo pháp luật của cháu Minh và cháu Ngọc là chị Đinh Thị Thu, sinh năm 1986.

Đều có nơi cư trú: Khu 3, xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. (Nay là Khu 3, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ).

3. Chị Vũ Thị Thùy Dung, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Số nhà 39, ngõ 29, tổ 1C, khu Hùng Quốc Vương, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. (Nay là Số nhà 39, ngõ 29, tổ 1C, khu Hùng Quốc Vương, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ)

4. Bà Vũ Thị Đào, sinh năm 1960;

Nơi cư trú: P108-56 ngõ 376, đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. (Nay là P108-56 ngõ 376, đường Bưởi, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội)

5. Chị Vũ Thị Thu Thủy, sinh năm 1987;

6. Bà Vũ Thị Loan, sinh năm 1958;

Đều có nơi cư trú: Khu 3, xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (Nay là Khu 3, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ)

Đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị Thùy Dung, bà Vũ Thị Đào, chị Vũ Thị Thu Thủy, bà Vũ Thị Loan; Chị Đinh Thị Thu là ông Chu Văn Quyền, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội (Nay là Thôn 2, xã Tây Phương, thành phố Hà Nội); Nơi làm việc: Công ty Luật Hợp danh Hùng Vương Phú Thọ - Đoàn Luật sư tỉnh Phú Thọ, địa chỉ: Số nhà 164, đường Minh Lang, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. (Nay là Số nhà 164, đường Minh Lang, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ)

7. Ông Vũ Xuân Phúc, sinh năm 1953;

8. Bà Phùng Thị Nguyệt, sinh năm 1960;

Đều có nơi cư trú: Khu 3, xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. (Nay là Khu 3, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị Vượng (Cụ Vượng chết năm 2004) gồm có:

- Vũ Ngọc Ân, sinh năm 1949 (Liệt sĩ chết năm 1972, không có vợ con).

- Vũ Văn Hạnh, sinh năm 1950 (đã chết năm 1991), có vợ là Nguyễn Thị Y có con là: Vũ Chung Dũng; sinh năm 1974 (đã chết năm 2024), có vợ là Đinh Thị Thu (đã ly hôn) và hai con là: Vũ Tùng Minh, sinh năm 2007 và Vũ Bích Ngọc, sinh năm 2009; Vũ Trung Bảo, sinh năm 1976; Vũ Thị Thùy Dung, sinh năm 1981; Vũ Thị Thu Thủy, sinh năm 1987.

- Vũ Xuân Phúc; sinh năm 1953.
- Vũ Thị Loan; sinh năm 1958.
- Vũ Thị Đào; sinh năm 1960.
- Vũ Văn Quang; sinh năm 1964.

Anh Vũ Trung Bảo, Vũ Thị Thuỳ Dung, chị Vũ Thị Thu Thủy, chị Đinh Thị Thu đều thống nhất giao cho anh Bảo được hưởng toàn bộ phần đất của ông Hạnh được chia.

2.2. Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Vượng để lại là: là thửa đất số 216, tờ bản đồ số 01, diện tích 1008m² trong đó có 300m² đất ở; 708 m² đất vườn; địa chỉ thửa đất tại Khu 3, xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã được UBND thành phố Việt Trì cấp GCNQSDĐ ngày 13/5/1992 đứng tên Nguyễn Thị Vượng, trị giá là 3.270.000.000đ (Ba tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng).

2.3. Xác định tài sản trên đất là của Vũ Văn Quang và bà Phùng Thị Nguyệt gồm có: 01 ngôi nhà cấp 4, 01 tầng, kết cấu khung gạch, mái tôn lợp xi măng xây dựng vào năm 1993; theo bản vẽ của đơn vị đo đạc là 95,3², đã hết khấu hao không định giá; 01 ngôi nhà cấp 3, 02 tầng, kết cấu khung gạch, mái lợp xi măng; Xây dựng năm 2003, diện tích theo bản vẽ là 24,4² trị giá 27.220.000 đồng; 01 chuồng lợn xây gạch, lợp xi măng; xây năm 2015, diện tích theo bản vẽ là 35,2m² giá trị giá: 37.900.000 đồng; 01 nhà kho xây gạch, mái lợp xi măng, xây dựng năm 1993; 01 giếng nước xây dựng năm 1993; bếp củi lợp xi măng xây dựng năm 1981, đã hết khấu hao nên không định giá và một số cây cối trên đất.

2.4. Các bên đương sự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Vượng như sau:

Cắt một phần thửa đất làm lối đi chung (để làm đường đi cho các thửa đất S3, S4, S5, S6) có diện tích (S2) là 113,4m² (đất vườn) trị giá là: 283.500.000đ, theo chỉ giới là: 18, 19, 20, 21, 22, 16A, 10A, 13A, 15A, 19A, 18A, 18 (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo), tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 01 tại Khu 3, xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã được UBND thành phố Việt Trì cấp GCNQSDĐ ngày 13/5/1992 đứng tên bà Nguyễn Thị Vượng.

Anh Vũ Trung Bảo được quyền sử dụng diện tích đất (S6) là 148,6m² (trong đó: đất ở 50m², đất vườn 98,6m²) theo chỉ giới là 14A, 15, 16, 17, 18A, 19A, 14A; trị giá là 496.500.000đ và được sở hữu các tài sản, cây cối lâm lộc trên diện tích đất được giao (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo) tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 01 tại Khu 3, xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã được UBND thành phố Việt Trì cấp GCNQSDĐ ngày 13/5/1992 đứng tên bà Nguyễn Thị Vượng.

Ông Vũ Văn Quang được quyền sử dụng diện tích đất (S1) là 300m² (trong đó: đất ở 100m², đất vườn 200m²) theo chỉ giới là 1,2,3,4,5,5A, 6A, 16A, 22, 23, 24,1; trị giá là 1.000.000.000 đồng và sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 trên đất có diện tích 46,5m² và toàn bộ tài sản, cây cối lâm lộc trên diện tích đất được giao (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo) tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 01 tại Khu 3, xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã được UBND thành phố Việt Trì cấp GCNQSDĐ ngày 13/5/1992 đứng tên bà Nguyễn Thị Vượng.

Bà Vũ Thị Loan được quyền sử dụng diện tích đất (S3) là 148,7m² (trong đó: đất ở 50m², đất vườn 98,7m²) theo chỉ giới là 10A, 7A, 8A, 11A, 13A, 10A, trị giá là 496.750.000đ và được sở hữu các tài sản, cây cối lâm lộc trên diện tích đất được giao (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo) tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 01 tại Khu 3, xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã được UBND thành phố Việt Trì cấp GCNQSDĐ ngày 13/5/1992 đứng tên bà Nguyễn Thị Vượng.

Ông Vũ Xuân Phúc được quyền sử dụng diện tích đất (S5) là 148,6m² (trong đó: đất ở 50m², đất vườn 98,6m²) theo chỉ giới là 13, 14, 14A, 19A, 15A, 13; trị giá là 496.500.000đ và được sở hữu các tài sản, cây cối lâm lộc trên diện tích đất được giao (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo) tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 01 tại Khu 3, xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã được UBND thành phố Việt Trì cấp GCNQSDĐ ngày 13/5/1992 đứng tên bà Nguyễn Thị Vượng.

Bà Vũ Thị Đào được quyền sử dụng diện tích đất (S4) là 148,7m² (trong đó: đất ở 50m², đất vườn 98,7m²) theo chỉ giới là 13A, 11A, 12A, 13, 15A, 13A; trị giá là 496.750.000đ và các tài sản, cây cối lâm lộc trên diện tích đất được giao (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo) tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 01 tại Khu 3, xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã được UBND thành phố Việt Trì cấp GCNQSDĐ ngày 13/5/1992 đứng tên bà Nguyễn Thị Vượng.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận phần đất được chia bằng hiện vật, phần tài sản, cây cối trên đất của ai thì người đó sử dụng và không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho nhau.

Các bên đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Vũ Văn Quang và bà Phùng Thị Nguyệt phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên phần đất S2 làm lổi đi chung là: 01 nhà 2 tầng, 01 nhà tạm và các tài sản công trình, cây cối khác trên đất.

Anh Vũ Trung Bảo, bà Vũ Thị Loan, bà Vũ Thị Đào, ông Vũ Xuân Phúc phải có trách nhiệm thanh toán tiền nhà hai tầng cho ông Vũ Văn Quang và bà Phùng Thị Nguyệt tổng là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), kỷ phần của mỗi người là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, ông Vũ Văn Quang và bà Phùng Thị Nguyệt có đơn đề nghị thi hành án mà anh Vũ Trung Bảo, bà Vũ Thị Loan, bà Vũ Thị Đào, ông Vũ Xuân Phúc không trả cho ông Quang và bà Nguyệt số tiền trên thì phải chịu lãi xuất đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về chi phí tố tụng: Anh Vũ Trung Bảo đã nộp đủ chi phí tố tụng là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Ông Vũ Văn Quang, bà Vũ Thị Loan, bà Vũ Thị Đào, ông Vũ Xuân Phúc mỗi người phải trả cho anh Bảo là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tiền chi phí tố tụng.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Văn Quang, bà Vũ Thị Loan, bà Vũ Thị Đào, ông Vũ Xuân Phúc vì là người cao tuổi. Anh Vũ Trung Bảo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.930.000 đồng (Mười một triệu chín trăm ba

mười nghìn đồng). Xác nhận anh Bảo đã nộp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0003370 ngày 07/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (Nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Phú Thọ). Anh Bảo còn phải nộp 1.930.000đ (Một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Phú Thọ ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Thị Đào